

Phụ lục I
(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CUNG CẤP THÔNG TIN TÀI CHÍNH

I. Danh mục Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (không bao gồm Báo cáo cung cấp thông tin tài chính đã được hướng dẫn tại Chế độ kế toán của đơn vị)

TT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Kỳ hạn lập báo cáo	Đơn vị lập
1	C01a/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm ...	Năm	KBNN/KBNN khu vực
2	C01b/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm ...	Năm	KBNN
3	C02/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm ...	Năm	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước
4	C03/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm ...	Năm	Vụ Các định chế tài chính
5	C04/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm ...	Năm	Vụ Ngân sách nhà nước
6	C05/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm ...	Năm	Cục Quản lý Nợ và Kinh tế đối ngoại
7	C06/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm	Năm	Cục Dự trữ Nhà nước
8	C07/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm	Năm	Sở Tài chính
9	C08/CCTT	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính năm	Năm	Đơn vị kế toán nhà nước cấp trên cao nhất

II. Biểu mẫu báo cáo

Mẫu số C01a/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC

ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
KHO BẠC NHÀ NƯỚC/KBNN KHU VỰC

Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO⁽¹⁾**Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...**

Tỉnh ...

Phần I: Số liệu**A. Tài sản**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	01		
	Trong đó, Quỹ Dự trữ tài chính	02		

B. Thu, chi ngân sách nhà nước và thông tin tài chính nhà nước khác

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
I	Thu ngân sách nhà nước			
1	Thu từ viện trợ không hoàn lại hỗ trợ ngân sách nhà nước (không bao gồm thu viện trợ theo hình thức ghi thu ghi chi)	05		
2	Thu khác của ngân sách nhà nước	06		
	Trong đó:			
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới	07		
	+ Thu ngân sách cấp tỉnh từ ngân sách trung ương	08		
	+ Thu ngân sách cấp xã từ ngân sách cấp tỉnh	09		
	- Thu từ các khoản hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp dưới	10		
	+ Thu ngân sách trung ương từ ngân sách cấp tỉnh	11		
	+ Thu ngân sách cấp tỉnh từ ngân sách cấp xã	12		
II	Chi khác từ ngân sách nhà nước	15		
	Trong đó:			
	- Chi bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới	16		
	+ Chi ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh	17		
	+ Chi ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã	18		

TT	Chi tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
	- Chi hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp dưới cho ngân sách cấp trên	19		
	+ Chi hoàn trả ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách trung ương	20		
	+ Chi hoàn trả ngân sách cấp xã cho ngân sách cấp tỉnh	21		
III	Thông tin tài chính nhà nước khác⁽³⁾			
1	Tiền thu hồi vốn của Nhà nước	25		
2	Tiền thu từ bán, thanh lý tài sản của Nhà nước	26		
3	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ	27		
4	Tiền thu từ các khoản vay phát sinh trong năm (không bao gồm vay theo hình thức ghi thu ghi chi)	28		
	- Nước ngoài	29		
	- Trong nước	30		
5	Tiền chi ngân sách nhà nước mua sắm, xây dựng tài sản cố định (không gồm các khoản chi theo hình thức ghi thu ghi chi)	31		
6	Tiền chi đầu tư, góp vốn cho các doanh nghiệp và các đơn vị khác	32		
7	Tiền gốc vay đã trả trong năm	33		
8	Số chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	34		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽⁴⁾

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- KBNN/KBNN khu vực...;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

- (1) Báo cáo này do Kho bạc Nhà nước/Kho bạc Nhà nước khu vực lập để phản ánh thông tin về tiền và các khoản tương đương tiền, thu, chi ngân sách trung ương, địa phương và thông tin tài chính khác của Nhà nước tại Trung ương, địa phương chưa được phản ánh trên Báo cáo CCTTTC của các đơn vị khác trong phạm vi tổng hợp Báo cáo TCNN.
- (2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.
- (3) Số liệu tại mục này là số liệu thông tin tài chính khác bằng tiền phát sinh trong năm đã được kế toán tại Kho bạc Nhà nước/Kho bạc Nhà nước khu vực.
- (4) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan.

Mẫu số C01b/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC
ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)BỘ TÀI CHÍNH
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Số: /BC-.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...**BÁO CÁO**
Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...**Phần I: Số liệu****A. Nợ trong nước của Chính phủ⁽¹⁾** (phát hành các công cụ nợ tại thị trường trong nước)
Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Nợ ngắn hạn ⁽³⁾	01		
2	Nợ dài hạn ⁽⁴⁾	02		
	Tổng cộng	03		

B. Lãi, phí, chi phí⁽⁵⁾

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Lãi	04		
2	Phí, chi phí	05		
	Tổng cộng	06		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽⁶⁾

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

- (1) Báo cáo này do Kho bạc Nhà nước lập để phản ánh thông tin về khoản vay của Chính phủ thông qua phát hành các công cụ nợ tại thị trường trong nước; lãi, phí liên quan đến các khoản vay này.
- (2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.
- (3) Nợ ngắn hạn: Số dư nợ trong nước của Chính phủ tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 và thời hạn trả nợ còn lại trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.
- (4) Nợ dài hạn: Số dư nợ trong nước của Chính phủ tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 và thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.
- (5) Lãi, phí, chi phí các khoản vay của Chính phủ thông qua phát hành các công cụ nợ tại thị trường trong nước phát sinh trong năm báo cáo.
- (6) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan.

Mẫu số C02/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC

ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
Số: /BC-.....

BÁO CÁO
Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...

Phần I: Số liệu**A. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Trung ương quản lý⁽¹⁾**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	01		
	Doanh nghiệp A			
	...			
2	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ	02		
	Doanh nghiệp B			
	...			
3	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống	03		
	Doanh nghiệp C			
	...			
	Tổng cộng	04		

B. Thông tin bổ sung khác

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Tăng vốn nhà nước trong năm	05		
	Trong đó: Các khoản tăng vốn trong năm bằng tiền	06		
2	Giảm vốn nhà nước trong năm	07		
	Trong đó: Các khoản giảm vốn trong năm bằng tiền	08		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽³⁾

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Thông tin về vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Trung ương quản lý tại thời điểm 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 (không bao gồm vốn nhà nước tại các ngân hàng và tổ chức tài chính do Trung ương quản lý). Chỉ tiêu này được xác định theo tỷ lệ sở hữu của Nhà nước trên vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Trung ương quản lý.

(2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.

(3) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan đến vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Trung ương quản lý.

Mẫu số C03/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC
ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
VỤ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO
Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...

Phần I: Số liệu

A. Vốn nhà nước tại ngân hàng và các tổ chức tài chính do Trung ương quản lý⁽¹⁾

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Ngân hàng và các tổ chức tài chính do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ	01		
	Ngân hàng A			
	...			
2	Ngân hàng và các tổ chức tài chính do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ	02		
	Ngân hàng B			
	...			
3	Ngân hàng và các tổ chức tài chính do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống	03		
	Ngân hàng C			
	...			
	Tổng cộng	04		

B. Thông tin bổ sung khác

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Tăng vốn nhà nước trong năm	01		
	<i>Trong đó: Các khoản tăng vốn trong năm bằng tiền</i>	02		
2	Giảm vốn nhà nước trong năm	03		
	<i>Trong đó: Các khoản giảm vốn trong năm bằng tiền</i>	04		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽³⁾

.....
.....
.....

.....
.....
Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

- (1) Thông tin về vốn nhà nước tại ngân hàng và các tổ chức tài chính do Trung ương quản lý tại thời điểm 31/12 các năm 20X2, năm 20X1. Chỉ tiêu này được xác định theo tỷ lệ sở hữu của Nhà nước trên vốn chủ sở hữu tại ngân hàng và các tổ chức tài chính do Trung ương quản lý.
- (2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.
- (3) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính liên quan đến vốn nhà nước tại ngân hàng và tổ chức tài chính do Trung ương quản lý.

Mẫu số C04/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC

ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BỘ TÀI CHÍNH
VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO**Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...****Phần I: Số liệu****A. Nợ trong nước của Chính phủ⁽¹⁾ (không bao gồm nợ của Chính phủ thông qua các công cụ nợ phát hành tại thị trường trong nước)**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Nợ ngắn hạn ⁽³⁾	01		
	Trong đó:			
	- Nợ các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Quỹ)	02		
	- Tạm ứng, vay ngân quỹ của ngân sách trung ương	03		
2	Nợ dài hạn ⁽⁴⁾	04		
	Trong đó:			
	- Nợ các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Quỹ....)	05		
	- Tạm ứng, vay ngân quỹ của ngân sách trung ương	06		
	Tổng cộng	07		

B. Lãi, phí, chi phí⁽⁵⁾

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Lãi	08		
2	Phí, chi phí	09		
	Tổng cộng	10		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽⁶⁾

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- KBNN;

- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Thông tin về nợ trong nước của Chính phủ (không bao gồm nợ trong nước của Chính phủ thông qua phát hành các công cụ nợ tại thị trường trong nước tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1).

(2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.

(3) Nợ ngắn hạn: Số dư nợ trong nước của Chính phủ tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 có thời hạn trả nợ còn lại trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.

(4) Nợ dài hạn: Số dư nợ trong nước của Chính phủ tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 có thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.

(5) Lãi, phí, chi phí các khoản nợ trong nước của Chính phủ phát sinh trong các năm 20X2, năm 20X1 (không bao gồm lãi, phí, chi phí các khoản nợ của Chính phủ thông qua các công cụ nợ phát hành tại thị trường trong nước).

(6) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan.

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ KINH TẾ
ĐỐI NGOẠI
Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO
Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...

Phần I: Số liệu

A. Nợ nước ngoài của Chính phủ, Nợ được Chính phủ bảo lãnh⁽¹⁾

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Nợ nước ngoài của Chính phủ			
1.1	Nợ ngắn hạn ⁽³⁾	01		
	Trong đó:			
	- Vay về cho địa phương vay lại	02		
	- Cho vay lại khác	03		
1.2	Nợ dài hạn ⁽⁴⁾	04		
	Trong đó:			
	- Vay về cho địa phương vay lại	05		
	- Cho vay lại khác	06		
	Tổng cộng	07		
2	Nợ được Chính phủ bảo lãnh	08		

B. Lãi, phí, chi phí⁽⁵⁾

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Lãi	09		
	Trong đó: Lãi khoản vay về cho địa phương vay lại	10		
2	Phí, chi phí	11		
	Trong đó: Phí, chi phí khoản vay về cho địa phương vay lại	12		
	Tổng cộng	13		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽⁶⁾

.....
.....

Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(ký, ghi họ tên, đóng dấu)***Nguyễn Văn A****Ghi chú:**

- (1) Thông tin về nợ nước ngoài của Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1.
- (2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.
- (3) Nợ ngắn hạn: Số dư nợ nước ngoài của Chính phủ tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 có thời hạn trả nợ còn lại trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.
- (4) Nợ dài hạn: Số dư nợ nước ngoài của Chính phủ tại ngày 31/12 các năm 02X2, năm 20X1 có thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.
- (5) Lãi, phí, chi phí các khoản nợ nước ngoài của Chính phủ phát sinh trong năm báo cáo.
- (6) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan.

Mẫu số C06/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC
ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC
Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO
Về việc cung cấp thông tin tài chính năm ...

Phần I: Số liệu
A. Tài sản

Đơn vị tính: Đồng				
TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
1	Hàng dự trữ quốc gia ⁽¹⁾	01		

B. Chi phí

Đơn vị tính: Đồng				
TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Chi xuất hàng dự trữ quốc gia không thu tiền	02		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽³⁾

.....
.....
.....
.....
.....

Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

- (1) Giá trị hàng dự trữ quốc gia tại thời điểm 31/12 các năm 20X2, năm 20X1, gồm hàng đang đi đường, hàng trực tiếp bảo quản, hàng thuê bảo quản, hàng tạm xuất.
- (2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.
- (3) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan đến hàng hóa dự trữ quốc gia, nguồn vốn dự trữ quốc gia, giá trị hàng hóa dự trữ quốc gia xuất không thu tiền.

Mẫu số C07/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC
ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH/TP ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-STC

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁOVề việc cung cấp thông tin tài chính năm ...**Phần I: Số liệu****A. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý; Nợ của chính quyền địa phương**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	31/12/20X1 ⁽²⁾
I	Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý⁽¹⁾			
1	Doanh nghiệp do địa phương nắm giữ 100% vốn điều lệ	01		
	Doanh nghiệp A			
	...			
2	Doanh nghiệp do địa phương nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ	02		
	Doanh nghiệp B			
	...			
3	Doanh nghiệp do địa phương nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống	03		
	Doanh nghiệp C			
	...			
	Tổng cộng	04		
II	Nợ chính quyền địa phương			
1	Nợ ngắn hạn ⁽³⁾	05		
	Trong đó: Vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	06		
2	Nợ dài hạn ⁽⁴⁾	07		
	Trong đó: Vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	08		
	Tổng cộng	09		

B. Lãi, phí, chi phí đi vay và thông tin khác*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	20X1 ⁽²⁾
1	Lãi, phí, chi phí đi vay ⁽⁵⁾			
1.1	Lãi	10		
	<i>Trong đó:</i> Vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	11		
1.2	Phí, chi phí	12		
	<i>Trong đó:</i> Vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	13		
	Tổng cộng	14		
2	Thông tin khác về vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý			
2.1	Tăng vốn nhà nước trong năm	15		
	<i>Trong đó:</i> Các khoản tăng vốn trong năm bằng tiền	16		
2.2	Giảm vốn nhà nước trong năm	17		
	<i>Trong đó:</i> Các khoản giảm vốn trong năm bằng tiền	18		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽⁶⁾

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- KBNN khu vực ...;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Thông tin về vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý (bao gồm vốn nhà nước tại ngân hàng và các tổ chức tài chính (nếu có), không gồm vốn nhà nước tại doanh nghiệp là đơn vị kế toán nhà nước cấp cao nhất/đơn vị kế toán độc lập đã lập và gửi Báo cáo CCTTTC cho Kho bạc Nhà nước khu vực theo quy định hoặc đơn vị trực thuộc đơn vị cấp trên cao nhất mà Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất đã được tổng hợp trong Báo cáo CCTTTC của đơn vị kế toán cấp trên cao nhất gửi Kho bạc Nhà nước khu vực), chỉ tiêu này được xác định theo tỷ lệ sở hữu của Nhà nước trên vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp và tổ chức tài chính do địa phương quản lý; nợ của chính quyền địa phương.

(2) Năm 20X2: Năm báo cáo; Năm 20X1: Năm liền kề trước năm báo cáo.

(3) Nợ ngắn hạn: Số dư nợ trong nước của địa phương tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 có thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.

(4) Nợ dài hạn: Số dư nợ trong nước của địa phương tại ngày 31/12 các năm 20X2, năm 20X1 có thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm nêu trên.

(5) Lãi, phí, chi phí các khoản nợ của chính quyền địa phương phát sinh trong các năm 20X2, năm 20X1.

(6) Phân tích, đánh giá: Phân tích những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm báo cáo so với năm liền kề trước đó của thông tin tài chính nhà nước về vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tại ngân hàng và các tổ chức tài chính do địa phương quản lý và các khoản nợ vay của chính quyền địa phương; các nguyên nhân khách quan, chủ quan để giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin nêu trên.

Mẫu số C08/CCTT

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC
ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ.....
Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO⁽¹⁾
Về việc cung cấp thông tin về tài sản, chi phí năm ...

Phần I: Số liệu**A. Tài sản**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	Ghi chú
1	Tài sản của các cơ quan nhà nước	400		Tổng tài sản của đơn vị được chi tiết theo các nhóm loại hình đơn vị, gồm: (i) Cơ quan nhà nước; (ii) Đơn vị sự nghiệp công lập; (iii) Đơn vị khác (như: Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách,...).
2	Tài sản của các đơn vị sự nghiệp công lập	401		
3	Tổng tài sản của các đơn vị khác	402		
	Tổng cộng	403		

B. Chi phí (không bao gồm chi phí bàn giao tài sản)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	Ghi chú
1	Chi phí của các cơ quan nhà nước	410		Tổng chi phí của đơn vị được chi tiết theo các nhóm loại hình đơn vị, gồm: (i) Cơ quan nhà nước; (ii) Đơn vị sự nghiệp công lập; (iii) Đơn vị khác (như: Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách,...).
	Trong đó: Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	411		
2	Chi phí của các đơn vị sự nghiệp công lập	412		
2.1	Sự nghiệp giáo dục	413		
	Trong đó: Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	414		
2.2	Sự nghiệp y tế	415		
	Trong đó: Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	416		
2.3	Sự nghiệp khác	417		

TT	Chỉ tiêu	Mã số	20X2 ⁽²⁾	Ghi chú
	<i>Trong đó:</i> Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	418		
3	Chi phí của các đơn vị khác	419		
	<i>Trong đó:</i> Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	420		
	Tổng cộng	421		

C. Tài sản cố định đặc thù

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/20X2 ⁽²⁾	Ghi chú
1	Tài sản không xác định được chi phí hình thành và không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật	431		
2	Các quyền thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ	432		
3	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập	433		
	Tổng cộng	434		

Phần II: Phân tích, đánh giá⁽³⁾

.....

Nơi nhận:

- KBNN/KBNN khu vực ...;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo (...bản).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Báo cáo này do đơn vị kế toán cấp trên cao nhất lập để phản ánh thông tin chi tiết về tài sản, chi phí theo lĩnh vực, tài sản cố định đặc thù (nếu có).

(2) Năm 20X2: Năm báo cáo.

(3) Phân tích, đánh giá: Phân tích, đánh giá những biến động (tăng, giảm) lớn trong năm, nguyên nhân khách quan, chủ quan nhằm giúp người dùng báo cáo hiểu rõ hơn về thông tin tài chính có liên quan đến tài sản, chi phí.

